Số: 10471/SNNMT-CCKL
Thời gian ký: 2026-07-16T16:26:18+07:00

UBND TỈNH KHÁNH HÒA
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH QUY ĐỊNH ÁP DỤNG HỆ SỐ K, CÁC HỆ SỐ K THÀNH PHẦN VÀ SỐ LẦN TẠM ỨNG, TỶ LỆ TẠM ỨNG TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA VỚI QUYẾT ĐỊNH SỐ 36/2025/QĐ-UBND NGÀY 19/3/2025 CỦA UBND TỈNH NINH THUẬN (TRƯỚC SẮP XẾP)

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (QUYẾT ĐỊNH SỐ 36/2025/QĐ-UBND)	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ	THUYẾT MINH
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng 1. Phạm vi điều chỉnh Quyết định này quy định áp dụng hệ số K, các hệ số K thành phần cho từng lô rừng, làm cơ sở để tính toán mức chi trả dịch vụ môi trường rừng cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng, điều tiết tiền dịch vụ môi trường rừng, xác định số tiền chi trả cho bên nhận khoán bảo vệ rừng từ nguồn tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. 2. Đối tượng áp dụng Cơ quan nhà nước, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan đến hoạt động dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.	**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng** 1. Phạm vi điều chỉnh Quyết định này quy định áp dụng hệ số K, các hệ số K thành phần cho từng lô rừng, làm cơ sở để tính toán mức chi trả dịch vụ môi trường rừng cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng, điều tiết tiền dịch vụ môi trường rừng, xác định số tiền chi trả cho bên nhận khoán bảo vệ rừng từ nguồn tiền dịch vụ môi trường rừng và số lần tạm ứng, tỷ lệ tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng của bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. 2. Đối tượng áp dụng Cơ quan nhà nước, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan đến hoạt động dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.	Theo Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2025, phạm vi điều chỉnh áp dụng cho xác định hệ số K, các hệ số K thành phần; dự thảo Quyết định về phạm vi điều chỉnh mở rộng thêm số lần tạm ứng, tỷ lệ tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh.
Điều 2. Quy định áp dụng hệ số K, các hệ số K thành phần 1. Hệ số K: Hệ số K bằng tích số của 04	**Điều 2. Quy định áp dụng hệ số K, các hệ số K thành phần** 1. Hệ số K được xác định cho từng lô rừng.	

(bốn) hệ số K thành phần $K = K_1 \times K_2 \times K_3 \times K_4$ 2. Các hệ số K thành phần: a) Hệ số K_1 điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo trữ lượng rừng. Giá trị hệ số K1 áp dụng theo quy định điểm b khoản 2 Mục III Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp (sau đây gọi tắt là Nghị định số 91/2024/NĐ-CP). b) Hệ số K_2 điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo mục đích sử dụng rừng được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, gồm rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất. Giá trị hệ số K2 áp dụng theo quy định điểm b khoản 2 Mục III Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP. Đối với diện tích rừng nằm ngoài quy hoạch 03 loại rừng áp dụng theo hệ số K thành phần như rừng sản xuất. c) Hệ số K_3 điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo nguồn gốc hình thành rừng. Giá trị hệ số K3 áp dụng theo quy định điểm b khoản 2 Mục III Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP; d) Hệ số K_4 điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo mức độ khó khăn được quy định đối với diện tích cung ứng dịch vụ môi trường rừng nằm trên địa bàn các xã khu vực I, II, III theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. Giá trị hệ số	Hệ số K bằng tích số của 04 (bốn) hệ số K thành phần. $K = K_1 \times K_2 \times K_3 \times K_4$. 2. Các hệ số K thành phần a) Hệ số K_1 điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo trữ lượng rừng. Giá trị hệ số K_1 áp dụng theo quy định điểm b khoản 2 Mục III Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp (sau đây gọi tắt là Nghị định số 91/2024/NĐ-CP). b) Hệ số K_2 điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo mục đích sử dụng rừng được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, gồm rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất. Giá trị hệ số K_2 áp dụng theo quy định điểm b khoản 2 Mục III Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP. c) Hệ số K_3 điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo nguồn gốc hình thành rừng, gồm rừng tự nhiên và rừng trồng. Giá trị hệ số K_3 áp dụng theo quy định điểm b khoản 2 Mục III Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP. d) Hệ số K_4 điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo mức độ khó khăn được quy định đối với diện tích cung ứng dịch vụ môi trường rừng nằm trên địa bàn các xã khu vực I, II, III theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. Giá trị hệ số K_4 áp dụng theo quy định điểm b khoản 2 Mục III Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số	

K4 áp dụng theo quy định điểm b khoản 2 Mục III Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP. Các xã khu vực III, II nếu được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới sẽ được xác định là xã khu vực I kể từ ngày Quyết định của cấp có thẩm quyền công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới có hiệu lực.	91/2024/NĐ-CP.	
	Điều 3. Quy định số lần tạm ứng, tỷ lệ tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng Căn cứ Kế hoạch Tài chính hằng năm của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Khánh Hòa được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Khánh Hòa tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng. Số lần tạm ứng tối đa 03 lần/năm, thời điểm từng lần tạm ứng vào các quý II, III, IV. Tổng số tiền tạm ứng không vượt quá 80% số tiền thực thu sau khi trích kinh phí quản lý của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng và kinh phí dự phòng theo quy định.	Thực hiện theo quy định khoản 1 Điều 71 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ.
Điều 3. Tổ chức thực hiện 1. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị liên quan tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này. b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường hằng năm và tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định. c) Chỉ đạo Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh:	**Điều 4. Tổ chức thực hiện** 1. Giao cho Sở Nông nghiệp và Môi trường a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này. b) Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức liên quan phối hợp với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Khánh Hòa xác định hệ số K của các lô rừng khi có sự thay đổi về trữ lượng, mục đích sử dụng, nguồn gốc hình thành và mức độ khó khăn. 2. Giao cho Quỹ Bảo vệ và Phát	

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan; bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng trong việc xác định hệ số K của các lô rừng khi có sự thay đổi về trữ lượng, mục đích sử dụng, nguồn gốc hình thành và mức độ khó khăn; - Căn cứ hệ số K, các hệ số K thành phần được quy định tại Quyết định này để chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan, bên cung ứng và bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng xác định số tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng hằng năm bảo đảm chính xác, công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng quy định. d) Tổng hợp, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quyết định này cho phù hợp với thực tế và quy định pháp luật. 2. Trách nhiệm của Sở Tài chính Chủ trì, phối hợp cùng Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, giám sát Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh và các đơn vị có liên quan trong việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh. 3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện Chỉ đạo các cơ quan tài chính cùng cấp, Ủy ban nhân dân cấp xã có diện tích rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn phối hợp với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh thực hiện các nội dung quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Quyết định này; áp dụng hệ số K, các hệ số K thành phần trong chi trả tiền dịch vụ môi trường bảo đảm hiệu quả, tuân thủ đúng theo quy định. 4. Trách nhiệm của bên cung ứng	triển rừng tỉnh Khánh Hòa a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai, hướng dẫn bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng trong việc xác định hệ số K của các lô rừng khi có sự thay đổi về trữ lượng, mục đích sử dụng, nguồn gốc hình thành và mức độ khó khăn. b) Căn cứ hệ số K, các hệ số K thành phần được quy định tại Quyết định này để chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan, bên cung ứng và bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng xác định số tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng hằng năm bảo đảm chính xác, công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng quy định. c) Căn cứ số tiền dịch vụ môi trường rừng thực thu sau khi trích các khoản kinh phí theo quy định, có văn bản xác định cụ thể thời gian, số tiền tạm ứng cho từng bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng và hướng dẫn thủ tục tạm ứng theo quy định. Thực hiện chi tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng theo thời điểm, số lần, tỷ lệ tạm ứng được quy định tại Quyết định này. d) Trường hợp trong quá trình thực hiện Quyết định này, việc áp dụng hệ số K, các hệ số K thành phần, số lần tạm ứng và tỷ lệ tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa không còn phù hợp với tình hình thực tế hoặc quy định của pháp luật có liên quan được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Khánh Hòa có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quyết định này cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế.	

dịch vụ môi trường rừng là tổ chức do Nhà nước thành lập a) Phối hợp với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh thực hiện các nội dung quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Quyết định này. b) Thực hiện giao khoán bảo vệ rừng từ nguồn tiền dịch vụ môi trường rừng; chịu trách nhiệm áp dụng hệ số K, các hệ số K thành phần trong chi trả tiền cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nhận khoán bảo vệ rừng đúng theo quy định.	3. Giao cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng là tổ chức do Nhà nước thành lập a) Phối hợp với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Khánh Hòa thực hiện các nội dung quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 4 Quyết định này. b) Trường hợp có thực hiện giao khoán bảo vệ rừng từ nguồn tiền dịch vụ môi trường rừng, chịu trách nhiệm áp dụng hệ số K, các hệ số K thành phần trong chi trả tiền cho các đối tượng nhận khoán bảo vệ rừng đúng theo quy định.	
Điều 4. Điều khoản thi hành 1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng 3 năm 2025 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.	**Điều 5. Điều khoản thi hành** 1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ….. tháng ….. năm 2026. 2. Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận quy định áp dụng hệ số K, các hệ số K thành phần trong dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành. 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.	